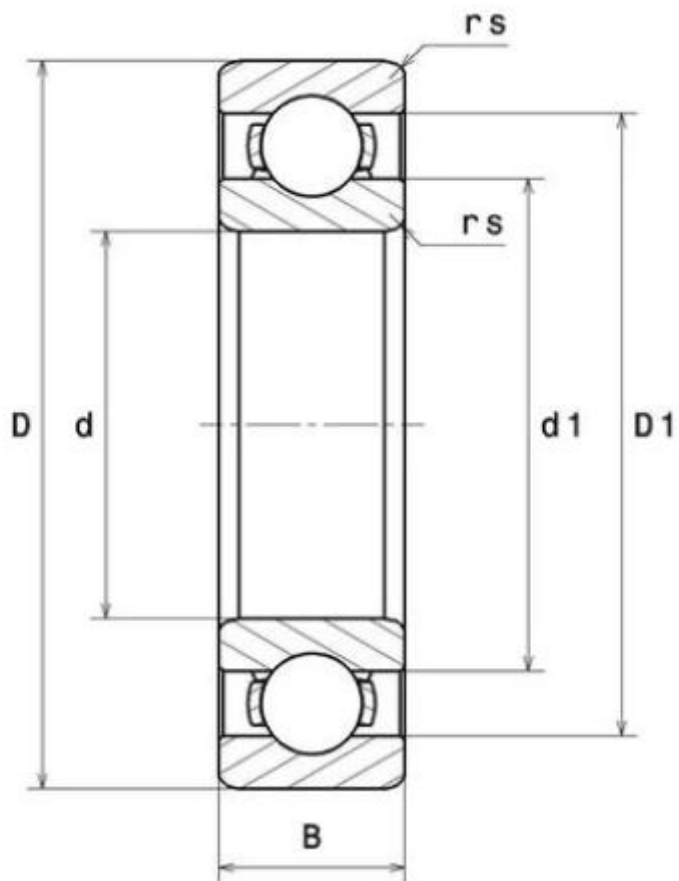


## Vòng bi 6320CM



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                  |        |
|----------------------------------|--------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất      | NTN    |
| d - Đường kính lỗ trục           | 100 mm |
| D - Đường kính ngoài             | 215 mm |
| B - Chiều rộng                   | 47 mm  |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu | 3 mm   |
| Khe hở vòng bi                   | CM     |
| Trọng lượng                      | 7 kg   |

## HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 192 kN      |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 141 kN      |
| Cu - Giới hạn tải trọng mỗi          | 8,75 kN     |
| f0 - Hệ số                           | 13.2        |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu | 3700 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ  | 3200 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -40 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C      |

## GIỚI HẠN

|                                             |        |
|---------------------------------------------|--------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 113 mm |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 202 mm |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 2,5 mm |

**NTN**®



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor